TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22–8– 2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Sáu

2. Bà Trần Thị Phương Anh

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa*:* Bà Châu Ngọc Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 59/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về " Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Gia Hội, xã Hưng T, huyện V, tỉnh B.

- Bị đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Gia Hội, xã Hưng T, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án: Bà N và ông H xây dựng hôn nhân năm 1996. Sau đó bà N và ông H ra Tòa ly hôn, đến năm 2019 bà N và ông H về sống lại với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng T, huyện Vĩnh Lơi theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 cấp ngày 05/01/2019. Quá trình chung sống có 01 người con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1996, hiện cháu T đã trưởng thành.

Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ bên ngoài. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Về tài sản chung: Vợ chồng không có tạo lập tài sản chung, làm nhiêu chi sài hết, không tích lũy. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bà N yêu cầu ly hôn với ông H. Con chung đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn H trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 8 năm 2023: Ông H thống nhất lời trình bày của bà N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng ông đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên bông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N. Con chung đã trưởng thành nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H. Về con chung, bà N và ông H có 01 người con chung là cháu Lê Thị Kiều T, sinh năm 1996 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Tài sản chung, nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 22 tháng 02 năm 2023 bà Nguyễn Thị N nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn đối với ông Lê Văn H. Ông H có địa chỉ đăng ký thường trú tại ấp Gia Hội, xã Hưng T, huyện V, tỉnh B. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt; riêng ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà N và ông H tự nguyện chung sống vào năm 1996, sau đó đã ra Tòa ly hôn và đến năm 2019 chung sống lại với nhau và có đăng ký kết theo giấy chứng nhận kết hôn số 05/2019, cấp ngày 05/01/2019, do Ủy ban nhân dân xã Hưng T, huyện V, tỉnh B cấp nên hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Bà N và ông H cùng thống nhất xác định trong thời gian chung sống, giữa bà N và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng ý kiến. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N yêu cầu ly hôn

với ông H. Về phía ông H thừa nhận tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2023, cuộc sống vợ chồng ông với bà N không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng anh đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay ông H đồng ý ly hôn theo yêu cầu bà N nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Hiện ông H bận đi làm xa nên ông H không thể về đúng thời gian triệu tập của Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa bà N và ông H không còn hạnh phúc, quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn này đã trầm trọng, bà N và ông H đã ly thân hơn 02 năm nay. Bà N không còn tình cảm với ông H, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N đối với ông H.

[4]. Về con chung: Bà N và ông H có một người con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1996, hiện cháu T đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H xác định, vợ chồng ông bà chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001485 ngày 14 tháng 3 năm 2023 được chuyển thu án phí.

[7]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Lê Văn H. Xử cho bà Nguyễn Thị N được ly hôn đối với ông Lê Văn H**.**

2. Về con chung: Bà N và ông H có một người con chung là Lê Thị Kiều T, sinh năm 1996, hiện cháu T đã trưởng thành và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H xác định, vợ chồng ông bà chung sống không có tạo lập tài sản chung, không nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Bà N phải chịu 300.000 đồng, bà N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001485 ngày 14 tháng 3 năm 2023 được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Hưng T, huyện V, tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi